

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST
Ngày: 21-01-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Trung Kiên

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 106/2018/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng gia công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2021/QĐXXST- KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2021/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần D 7 (tên cũ là: Công ty TNHH Một thành viên D 7)

Trụ sở: Số 109A Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Văn Tài - sinh năm 1972; địa chỉ: 109A Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: Phó phòng tài chính kế toán, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 69/GUQ-DM7 ngày 14/4/2021 (có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Trụ sở: Tổ 10, khu phố 7, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1967; địa chỉ: 212 Đường C, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

(Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2018 và các tài liệu nộp kèm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty Cổ phần D 7 trình bày:

Ngày 15/9/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D 7 (đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ ngày 03/7/2017 – sau đây gọi tắt là Công ty D 7) và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng gia công may mặc số 01-2016/TH-KH; theo đó Công ty D 7 may gia công cho Công ty T, số lượng: 5.200 áo khoác, tổng giá trị hợp đồng là 625.653.380 đồng.

Thực hiện Hợp đồng trên, Công ty D 7 đã gia công và giao thành phẩm cho Công ty T theo Hóa đơn GTGT số 0004942, ngày 06/10/2016, số tiền 568.775.800 đồng; thuế GTGT 10%: 56.877.580 đồng, tổng cộng 625.653.380 đồng.

Theo điều VI của Hợp đồng đã ký kết, Công ty T có nghĩa vụ thanh toán tiền gia công trong vòng 20 ngày, kể từ ngày Công ty D 7 giao thành phẩm và phát hành hóa đơn. Tuy nhiên, đến nay Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ theo các hợp đồng. Tính đến ngày 12/7/2017, công ty Hiệp Thành đã thanh toán tiền cho Công ty D 7 được bốn lần, cụ thể:

- Ngày 09/11/2016 thanh toán số tiền 235.870.355 đồng; còn nợ 389.783.025 đồng;
- Ngày 08/03/2017 thanh toán số tiền 58.889.640 đồng; còn nợ 330.893.385 đồng;
- Ngày 06/06/2017 thanh toán số tiền 50.010.020 đồng; còn nợ 280.883.365 đồng;
- Ngày 10/07/2017 thanh toán số tiền 50.006.720 đồng; còn nợ 230.876.645 đồng.

Nợ còn lại: 230.876.645 đồng.

Công ty D 7 đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty T thanh toán nợ còn lại nhưng Công ty T không thực hiện.

Do đó Công ty D 7 khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 230.876.645 đồng;
- Lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 27/10/2016 đến ngày 25/3/2020 theo mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) là 53.134.272 đồng.

Ngày 03/6/2021, Công ty D 7 có Công văn số 275/DM7-P.TCKT rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty T thanh toán nợ gốc là 230.876.645 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản ngày 04/4/2019 lấy lời khai của bà Nguyễn Thị D, là người đại diện theo pháp luật của Công ty T do Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tiến hành theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 36/QĐ-UTTA ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận:

Công ty T chỉ thừa nhận có nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D 7 số tiền 230.876.645 đồng theo Hợp đồng gia công may mặc số 01-2016/TH-KH ngày 15/9/2016, không có nợ Công ty Cổ phần D 7. Do bà đang điều trị bệnh ngoại trú nên xin thêm thời gian 02 tháng để sắp xếp, sau đó bà sẽ có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty D 7 giữ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T thanh toán hết số tiền nợ gốc còn thiếu là 230.876.645 (Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn lăm) đồng. Tuy nhiên, xét tình hình kinh doanh khó khăn của bị đơn, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả nợ gốc. Yêu cầu thanh toán ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không lý do, dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Công ty T và Người đại diện theo pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn cũng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như các đương sự thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Công ty D 7, có đủ cơ sở xác định Công ty T còn thiếu tiền vốn là 230.876.645 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng tính từ ngày 27 tháng 10 năm 2016 đến ngày xét xử.

Nhưng tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền vốn là có lợi cho bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Công ty D 7 và Công ty T ký Hợp đồng gia công may mặc số 01-2016/TH-KH áo khoác và đều có mục đích lợi nhuận. Đây là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại được quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005. Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điều VI của Hợp đồng đã ký kết. Nay Công ty D 7 khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi, đồng thời lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hợp đồng được thực hiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ tư để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do (Lần thứ nhất vào ngày 04 tháng 5 năm 2021, lần thứ hai ngày 07 tháng 6 năm 2021 và lần thứ 3 vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, lần 4 vào ngày 30 tháng 12 năm 2021). Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] *Về yêu cầu trả nợ gốc*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án gồm: Hợp đồng gia công may mặc số 01-2016/TH-KH ngày 15/9/2016, Hóa đơn GTGT số 0004942 ngày 06/10/2016

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần D 7 (mã số doanh nghiệp 0300509782, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/7/2017) thể hiện Công ty Cổ phần D 7 được cổ phần hóa từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D 7.

Có căn cứ xác định Công ty T còn thiếu Công ty D 7 nợ gốc là 230.876.645 đồng, việc xác định công nợ trên đã được người đại diện theo pháp luật của bị đơn thừa nhận tại Biên bản ngày 04 tháng 4 năm 2019 lấy lời khai do Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (tiến hành theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 36/QĐ-UTTA ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn.

[6] *Về yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán*:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền còn nợ là 230.876.645 đồng cho đến khi trả xong nợ gốc, tạm tính từ ngày 27/10/2016 đến ngày 25/3/2020 theo mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) là 53.134.272 đồng là 6,8%/năm.

Tuy nhiên ngày 03 tháng 6 năm 2021, Nguyên đơn đã có Công văn rút lại yêu cầu tính lãi nêu trên như trong quá trình giải quyết vụ án là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[7] *Về thời hạn thanh toán*: Xét thời gian bị đơn nợ đã lâu, việc bị đơn không tiếp tục thanh toán gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền vốn còn thiếu ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích ở trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 11.543.832 đồng. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.733.902 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 186, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

- Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần D 7:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần D 7 (*tên cũ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D 7*) số tiền nợ 230.876.645 (*Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm*) đồng.

Phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH T chậm thanh toán thì Công ty Cổ phần D 7 có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải nộp là 11.543.832 (*Mười một triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi hai*) đồng.

Công ty Cổ phần D 7 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.733.902 (*Sáu triệu, bảy trăm ba ba nghìn, chín trăm lẻ hai*) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0037544 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Long